PHỤ LỤC

CHỈ TIÊU, TIẾN ĐỘ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026–2030

(Kèm theo Kế hoạch số 1654/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Phấn đấu triển khai từ 15 nhiệm vụ khoa học và công nghệ/đơn đặt hàng nghiên cứu, ứng dụng và làm chủ công nghệ sinh học, tập trung vào các ngành hàng chủ lực của tỉnh.	2026: 02 nhiệm vụ 2027: 03 nhiệm vụ 2028: 04 nhiệm vụ 2029: 03 nhiệm vụ 2030: 03 nhiệm vụ Tổng cộng: 15 nhiệm vụ	Rà soát nhu cầu thực tiễn; xác định bài toán công nghệ theo từng ngành hàng; đặt hàng, tuyển chọn và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định. Ưu tiên lúa gạo chất lượng cao, sầu riêng, xoài, mít, thanh long, hoa kiểng, sen, thủy sản và chăn nuôi an toàn sinh học.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường; các Viện Trường
2	Thử nghiệm, hoàn thiện và tiếp nhận chuyển giao ít nhất 10 quy trình công nghệ sinh học vào sản xuất hàng hóa.	2026: 01 quy trình 2027: 02 quy trình 2028: 02 quy trình 2029: 03 quy trình 2030: 02 quy trình Tổng cộng: 10 quy trình	Ưu tiên công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật nhân giống sạch bệnh; công nghệ vi sinh, enzyme tạo chế phẩm sinh học bảo vệ mùa màng; công nghệ sinh học bảo quản sau thu hoạch và chế biến sâu nông sản. Tổ chức thử nghiệm, đánh giá hiệu quả, hoàn thiện quy trình và chuyển giao cho đơn vị sản xuất.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan
3	Hình thành, sản xuất và thương mại hóa thành công ít nhất 07 sản phẩm công nghệ sinh học thế hệ mới có sức cạnh tranh trên thị trường.	2026: 01 sản phẩm 2027: 01 sản phẩm 2028: 02 sản phẩm 2029: 02 sản phẩm 2030: 01 sản phẩm Tổng cộng: 07 sản phẩm	Lựa chọn sản phẩm có nhu cầu thị trường và khả năng sản xuất, thương mại hóa như giống sạch bệnh/chất lượng cao, chế phẩm sinh học, phân bón hữu cơ vi sinh, nấm đối kháng, chế phẩm bảo quản nông sản và xử lý môi trường nuôi. Hình thành chuỗi liên kết doanh nghiệp – viện/trường – cơ sở thử nghiệm – đơn vị sản xuất; hỗ trợ tiêu chuẩn, chất lượng, sở hữu trí tuệ và xúc tiến thương mại theo quy định.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, các doanh nghiệp/HTX sản xuất kinh doanh

STT	Nội dung chỉ tiêu	Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4	Phấn đấu thu hút và thúc đẩy tối thiểu 20 doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia trực tiếp vào chuỗi nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất, ứng dụng hoặc kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghiệp sinh học nông nghiệp và môi trường.	2026: 02 doanh nghiệp/HTX 2027: 04 doanh nghiệp/HTX 2028: 05 doanh nghiệp/HTX 2029: 05 doanh nghiệp/HTX 2030: 04 doanh nghiệp/HTX Tổng cộng: 20 lượt đơn vị tham gia mới	Tuyên truyền, hướng dẫn tiếp cận chính sách ưu đãi đầu tư, tín dụng và quỹ hỗ trợ theo quy định; kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã với viện/trường và tổ chức khoa học, công nghệ; khuyến khích hợp tác công – tư, đồng đầu tư thử nghiệm, tiếp nhận công nghệ và phát triển thị trường.	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Liên minh Hợp tác xã, UBND các xã,phường
5	Thu thập, đánh giá đặc tính, bảo tồn và số hóa dữ liệu ADN barcode cho ít nhất 30 nguồn gen cây trồng, vật nuôi, thủy sản bản địa/đặc sản có giá trị kinh tế cao.	2026: 02 nguồn gen 2027: 05 nguồn gen 2028: 07 nguồn gen 2029: 08 nguồn gen 2030: 08 nguồn gen Tổng cộng: 30 nguồn gen	Rà soát, lựa chọn nguồn gen có giá trị kinh tế, đặc trưng địa phương; tổ chức thu thập, định danh, đánh giá đặc tính, bảo tồn và số hóa dữ liệu ADN barcode. Từng bước xây dựng, kết nối cơ sở dữ liệu nguồn gen phục vụ bảo tồn, chọn tạo giống, truy xuất nguồn gốc và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan
6	Phấn đấu hình thành ít nhất 01 phòng thí nghiệm/trung tâm phân tích, kiểm định chất lượng nông, lâm, thủy sản hàng hóa và đánh giá an toàn sinh học sản phẩm công nghệ sinh học đạt chuẩn phù hợp.	2026–2027: Rà soát, đánh giá hiện trạng và xây dựng phương án. 2028: Phê duyệt/triển khai phương án đầu tư, nâng cấp. 2029: Bổ sung thiết bị, hoàn thiện quy trình và đào tạo nhân lực. 2030: Hoàn thiện năng lực, đánh giá điều kiện công nhận/công nhận theo tiêu chuẩn phù hợp.	Rà soát năng lực cơ sở vật chất, thiết bị, nhân lực và phạm vi thử nghiệm của các phòng thí nghiệm, trung tâm kiểm định hiện có; ưu tiên sắp xếp, nâng cấp và dùng chung hạ tầng trước khi đề xuất đầu tư mới. Huy động nguồn lực hợp pháp, trong đó xem xét hợp tác công – tư; bảo đảm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và điều kiện công nhận theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính

STT	Nội dung chỉ tiêu	Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
7	Phấn đấu xây dựng và nhân rộng 25 mô hình ứng dụng công nghệ sinh học quy mô sản xuất hàng hóa tập trung.	2026: 02 mô hình 2027: 04 mô hình 2028: 05 mô hình 2029: 08 mô hình 2030: 06 mô hình Tổng cộng: 25 mô hình	Lựa chọn ngành hàng, địa bàn và đơn vị tham gia phù hợp; xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ sinh học gắn với sản xuất hàng hóa, an toàn sinh học, kinh tế tuần hoàn và hiệu quả kinh tế. Tích hợp nền tảng số, IoT, cảm biến môi trường, tưới thông minh, truy xuất nguồn gốc khi phù hợp; đánh giá kết quả trước khi nhân rộng.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Hội Nông dân tỉnh, Hội quán nông dân
8	Đạt tỷ lệ tối thiểu 60% phụ phẩm của các ngành hàng nông nghiệp chủ lực được thu gom, xử lý và chuyển hóa.	2026: 10% 2027: 15% 2028: 30% 2029: 45% 2030: 60%	Ứng dụng công nghệ vi sinh, enzyme để thu gom, xử lý và chuyển hóa phụ phẩm như rơm rạ, vỏ sầu riêng/xoài/mít, phụ phẩm chế biến thủy sản, bùn thải và chất thải chăn nuôi thành phân bón hữu cơ sinh học, thức ăn bổ sung hoặc sản phẩm giá trị gia tăng; góp phần giảm ô nhiễm và phát thải.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường
9	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn sâu về công nghệ sinh học nông nghiệp – môi trường, kỹ thuật sinh học phân tử, an toàn sinh học và sở hữu trí tuệ cho ít nhất 50 cán bộ quản lý, nghiên cứu viên, kỹ thuật viên nòng cốt.	2026: Xác định nhu cầu, xây dựng chương trình và danh sách học viên. 2027: 10 người 2028: 10 người 2029: 15 người 2030: 15 người Tổng cộng: ít nhất 50 người	Phối hợp với viện, trường và cơ sở chuyên môn tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu, thực hành vận hành thiết bị và tiếp nhận công nghệ. Gắn đào tạo với nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao, vận hành phòng thí nghiệm và nhu cầu thực tế của cơ sở kiểm nghiệm, sản xuất.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính; Viện, Trường
10	Tập huấn, hướng dẫn chuyển giao quy trình kỹ	2026: 200 lượt 2027: 500 lượt 2028: 1.000 lượt	Đẩy mạnh khuyến nông, truyền thông và tập huấn thực hành về quy trình kỹ thuật, sử dụng chế phẩm sinh học, phân bón hữu cơ vi sinh,	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hội Nông dân tỉnh, UBND các xã, phường

STT	Nội dung chỉ tiêu	Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	thuật cho khoảng 5.000 lượt người.	2029: 1.500 lượt 2030: 1.800 lượt Tổng cộng: 5.000 lượt	quản lý dịch hại sinh học, an toàn sinh học và xử lý phụ phẩm. Đối tượng gồm cán bộ nông nghiệp/khuyến nông cơ sở, hợp tác xã, tổ hợp tác, Hội quán nông dân, doanh nghiệp, trang trại và người sản xuất.		

Ghi chú: *Các chỉ tiêu theo năm được bố trí để bảo đảm phù hợp mục tiêu giai đoạn 2026–2030 tại Kế hoạch. Việc tổ chức thực hiện, điều chỉnh tiến độ và xác định nguồn lực cụ thể căn cứ kết quả rà soát, khả năng cân đối ngân sách, nguồn vốn hợp pháp khác và quy định hiện hành; không làm thay đổi mục tiêu tổng thể của Kế hoạch.*